CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: PR_16/DN/2019

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức: **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ QUỐC TẾ BIGC ĐỒNG NAI**
Địa chỉ: Số 833, xa lộ Hà Nội, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Điện thoại: 0251 3833180
E-mail: customer.care@bigc-vietnam.com
Mã số doanh nghiệp: 3600258976
Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: 70/GCNATTP-SCT, cấp ngày 05/07/2019 tại tỉnh Đồng Nai

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: **TỎI CHUA CAY**
2. Thành phần: Tỏi lột bỏ vỏ (≥ 50%), nước, giấm, đường, ớt, muối i-ốt.
3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 90 ngày kể từ ngày sản xuất.
4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:
   Khối lượng tịnh hỗn hợp: 330 g – Khối lượng tỏi: 230 g
   hoặc tùy theo nhu cầu của khách hàng
   Chất liệu bao bì: Hũ nhựa PET.

III. Mẫu nhãn sản phẩm

Đính kèm (Theo 43/2017/NĐ-CP Nghị định về Nhãn hàng hóa).

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

1. Chỉ tiêu kim loại nặng: theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia số QCVN 8-2:2011/BYT về quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa cho phép
1.	Hàm lượng Cadimi (Cd)	mg/kg	0,05
2.	Hàm lượng Chì (Pb)	mg/kg	0,1

2. Chỉ tiêu vi sinh vật: theo quyết định số 46/2007/QĐ-BYT về quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa cho phép
1.	Tổng số vi khuẩn hiếu khí	CFU/g	10^4
2.	Coliforms	CFU/g	10
3.	*Escherichia coli*	MPN/g	0
4.	*Clostridium perfringens*	CFU/g	10
5.	*Bacillus cereus*	CFU/g	10^2

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa cho phép
6.	Tổng số bào tử nấm men-mốc	CFU/g	10^2

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

TP Hồ Chí Minh, ngày 1 tháng 12 năm 2019

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)

M.S.D.N: 3600258976 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ QUỐC TẾ BIG C ĐỒNG NAI
TP. BIÊN HÒA - T. ĐỒNG NAI

LÊ HOÀNG ANH

ĐÍNH KÈM : **DỰ THẢO NHÃN**

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ QUỐC TẾ BIG C ĐỒNG NAI
M.S.D.N: 3600258976 - C.T.T.N.H.H
TP. BIÊN HÒA - T. ĐỒNG NAI

TỎI CHUA CAY

Đậm đà – Tươi ngon

Thành phần: Tỏi lột bỏ vỏ (≥ 50%), nước, giấm, đường, ớt, muối i-ốt.

HDSD: Dùng ngay hoặc chế biến tùy thích.

HDBQ: Bảo quản nơi thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Bảo quản trong tủ lạnh sau khi mở bao bì

Không sử dụng sản phẩm khi hết hạn hoặc có dấu hiệu hư hỏng

Hạn sử dụng: 90 ngày kể từ ngày sản xuất.

Ngày sản xuất:

Khối lượng tịnh hỗn hợp: Khối lượng tỏi:

Số tự CBSP: PR_16/DN/2019

Sản phẩm của Công Ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Quốc Tế BigC Đồng Nai, Số 833, xa lộ Hà Nội, P. Long Bình Tân, TP. Biên Hòa, T. Đồng Nai.

VILAS 237

Report N°: 1911270015

Ho Chi Minh City, Date: November 26, 2019
TP. Hồ Chí Minh, Ngày: 26/11/2019

ANALYSIS REPORT
BÁO CÁO PHÂN TÍCH

REF. NO.: FDL19/13379
Đơn hàng: FDL19/13379

CLIENT'S NAME : **CÔNG TY TNHH TMDV QUỐC TẾ BIG C ĐỒNG NAI**
Tên khách hàng

CLIENT'S ADDRESS : **833, XA LỘ HÀ NỘI, PHƯỜNG LONG BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ BIÊN HOÀ, TỈNH ĐỒNG NAI**
Địa chỉ

The following sample(s) was/were submitted and identified by the client as:
Mẫu thử nghiệm được cung cấp và nhận dạng bởi khách hàng:

Sample description *Mô tả mẫu*	: **PREPARED FOOD (FDL19/13379-9 & FDL19/13379-10)** : *Thực Phẩm Chế Biến Sẵn*
Number of sample *Số lượng mẫu*	: 02 samples : *02 mẫu*
Sample characterisation/ condition *Tình trạng mẫu*	: Samples in plastic jars : *Mẫu chứa trong hũ nhựa*
Client's reference *Chú thích của khách hàng*	: **TỎI CHUA CAY**
Date sample(s) received *Ngày nhận mẫu*	: November 19, 2019 : *19/11/2019*
Testing period *Thời gian thử nghiệm*	: November 19 – November 26, 2019 : *19/11/2019 – 26/11/2019*
Test requested *Yêu cầu thử nghiệm*	: As applicant's requirement : *Theo yêu cầu của khách hàng*
Test result *Kết quả kiểm nghiệm*	: Please refer to the next page(s) : *Vui lòng tham khảo trang sau*

SGS Vietnam Ltd.
198 Nguyen Thi Minh Khai St., Ward 6, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea – VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service (www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx). Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.
This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.
The authenticity of this document may be verified at
https://sgsonsite.sgs.com/en/v2/common/ecertificate/authenticateeCertificate.jsp.

DETAIL TEST RESULT(S)
KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

I. SGS Sample ID: FDL19/13379-9

Testing Analysis *Chỉ tiêu phân tích*	Method *Phương pháp*	Result *Kết quả*	Unit *Đơn vị*
1. Total Plate Count *Tổng vi khuẩn hiếu khí*	ISO 4833-1:2013 (A) (H)	4.8×10^2	cfu/g
2. *Bacillus cereus* *Bacillus cereus*	AOAC 980.31 (21st Ed., 2019) (A)	< 10	cfu/g
3. *Clostridium perfringens* *Clostridium perfringens*	ISO 7937:2004 (A) (H)	< 10	cfu/g
4. Total Coliforms *Coliforms tổng*	ISO 4832:2006 (A) (H)	< 10	cfu/g
5. *E. Coli* *E. Coli*	ISO 16649-3:2015 (A)	0	MPN/g
6. Total Yeast & Mold *Tổng nấm men và nấm mốc*	ISO 21527-1:2008 (A)	< 10	cfu/g

II. SGS Sample ID: FDL19/13379-10

Testing Analysis *Chỉ tiêu phân tích*	Method *Phương pháp*	Result *Kết quả*	Unit *Đơn vị*
1. Cadmium (Cd) *Cadimi*	Ref. AOAC 2013.06 (21st Ed., 2019) (A) (H)	Not detected *Không phát hiện* LOD = 0.03	mg/kg
2. Lead (Pb) *Chì*		Not detected *Không phát hiện* LOD = 0.03	mg/kg

Note/*Ghi chú*:

- LOD = Limit of Detection/ *Giới hạn phát hiện*
- When the chemical analyte is detected but the concentration is below limit of quantitation (LOQ), the result is reported as "< LOQ". If the result was calculated from sum of individual analytes, it was done without single values below LOQ taken into account. For microbiological analyte, according to the plate count testing method with dilution factor of 10, the result of the sample that the relevant colonies was not formed was reported as <10 cfu/g.
  Khi chất phân tích hóa học được phát hiện nhưng nồng độ nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ), thì kết quả sẽ được thể hiện là "< LOQ". Nếu kết quả được tính từ tổng của từng chỉ tiêu, nó được thực hiện không bao gồm các giá trị đơn lẻ nhỏ hơn giới hạn định lượng. Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh, theo phương pháp thử nghiệm đổ đĩa với hệ số pha loãng là 10, mẫu không phát hiện khuẩn lạc sẽ được trả kết quả <10 cfu/g.
- The method(s) remarked with (A), (H) and (T) are designated by the Ministry of Agriculture and Rural Development, the Ministry of Health, and the Ministry of Industry and Trade, respectively.
  Phương pháp được đánh dấu bằng chữ (A), (H) và (T) là phương pháp tương ứng được công nhận bởi Bộ Nông Nghiệp Và Phát Triển Nông Thôn, Bộ Y Tế, và Bộ Công Thương

REPORT RESULTS REFER TO SUBMITTED SAMPLE (S) ONLY AND SUCH SAMPLE(S) ARE RETAINED FOR 15 DAYS ONLY IF THERE ARE NO OTHER SPECIFIC STATEMENTS
Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu đã nhận tại phòng thí nghiệm và mẫu được lưu trữ trong vòng 15 ngày nếu không có thông báo đặc biệt khác

END OF THE REPORT

SGS Vietnam Ltd.
198 Nguyen Thi Minh Khai St., Ward 6, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea – VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service (www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx). Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.
This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.
The authenticity of this document may be verified at
https://sgsonsite.sgs.com/en/v2/common/ecertificate/authenticateeCertificate.jsp.

Signed for and on behalf of
SGS Vietnam LTD
Thay Mặt Công ty SGS Việt Nam
Lâm Văn Xự

CÔNG TY SGS VIỆT NAM TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
M.S.D.N: 0100114025 - C.T.T.N.H.H
QUẬN 3 - TP. HỒ CHÍ MINH

Lâm Văn Xự
Trưởng Phòng Thử Nghiệm Thực Phẩm

SGS Vietnam Ltd.
198 Nguyen Thi Minh Khai St., Ward 6, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea – VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service (www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx). Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.
This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.
The authenticity of this document may be verified at
https://sgsonsite.sgs.com/en/v2/common/ecertificate/authenticateeCertificate.jsp.